

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2015

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Tên tiếng Anh	An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
Tên viết tắt	An Phat., JSC
Logo	
Giấy CNĐKKD	0800373586 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 thay đổi lần thứ 20 ngày 20/10/2015
Vốn Điều lệ	494.999.880.000 đồng
Trụ sở chính	Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đông, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại	03203.755.998
Fax	03203.755.113
Website	www.anphatplastic.com
Mã cổ phiếu	AAA

Hải Dương, tháng 3 năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát được thành lập ngày 9/3/2007 có những cột mốc phát triển quan trọng như sau:

- Tháng 09/2002 Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
- Tháng 04/2004 Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với nhiều sản phẩm chất lượng tốt đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
- Tháng 06/2005 UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
- Năm 2006 Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Anh Hai Duy thống nhất phương án chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát.
- Tháng 03/2007 Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Tháng 04/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ đồng được phát hành cho các cổ đông mới.
- Tháng 12/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ đồng được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần
- Tháng 2/2008 Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động
- Tháng 09/2009 Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.

- Tháng 11/2009 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “**sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường**”.

- Tháng 04/2010 Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.

- Tháng 07/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.

- Tháng 10/2010 Nhà máy sản xuất CaCo₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tháng 08/2011 Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.

- Tháng 8/2012 An Phát nộp hồ sơ xin phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Tháng 11/2012 An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.

- Tháng 12/2012 An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm lên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tháng 12/2013 Nhà máy sản xuất số 5 (Nhà máy 1 mở rộng theo Hồ sơ xin phát hành 2012) hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy sẽ được xuất khẩu sang Nhật Bản.

- Tháng 7/2014 An Phát nộp hồ sơ xin phát hành 19.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Tháng 10/2014 An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 396.000.000.000 đồng

- Tháng 11/2014 An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tháng 9/2015 An Phát thực hiện phát hành 9.899.988 cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ lên 494.999.880.000 đồng
- Tháng 11/2015 An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Các thành tích đạt được

- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX năm 2014-2015
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ tổ quốc năm 2012.
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong Hợp tác kinh tế Quốc tế của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế.
- Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2014-2015
- Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu mạnh năm: 2007, 2008, 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009, 2010
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương năm 2009, 2010, 2011, 2013
- Cùng nhiều bằng khen và giải thưởng uy tín khác

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động
Bao bì nhựa	<p>An Phát là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tự phân hủy.</p> <p>Bên cạnh các dòng sản phẩm truyền thống trong những năm qua, công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường.</p> <p>Sản phẩm của An Phát được tiêu thụ trên các thị trường lớn của thế giới như: EU, Mỹ, Châu Phi, Singapo, Nhật...</p>

<p>Hạt nhựa</p>	<p>Bên cạnh việc nhập khẩu hạt nhựa cho hoạt động sản xuất của mình, An Phát cũng chú trọng tới lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy của Việt Nam. Hàng năm hoạt động này cũng tạo doanh thu đáng kể cho An Phát</p>
------------------------	---

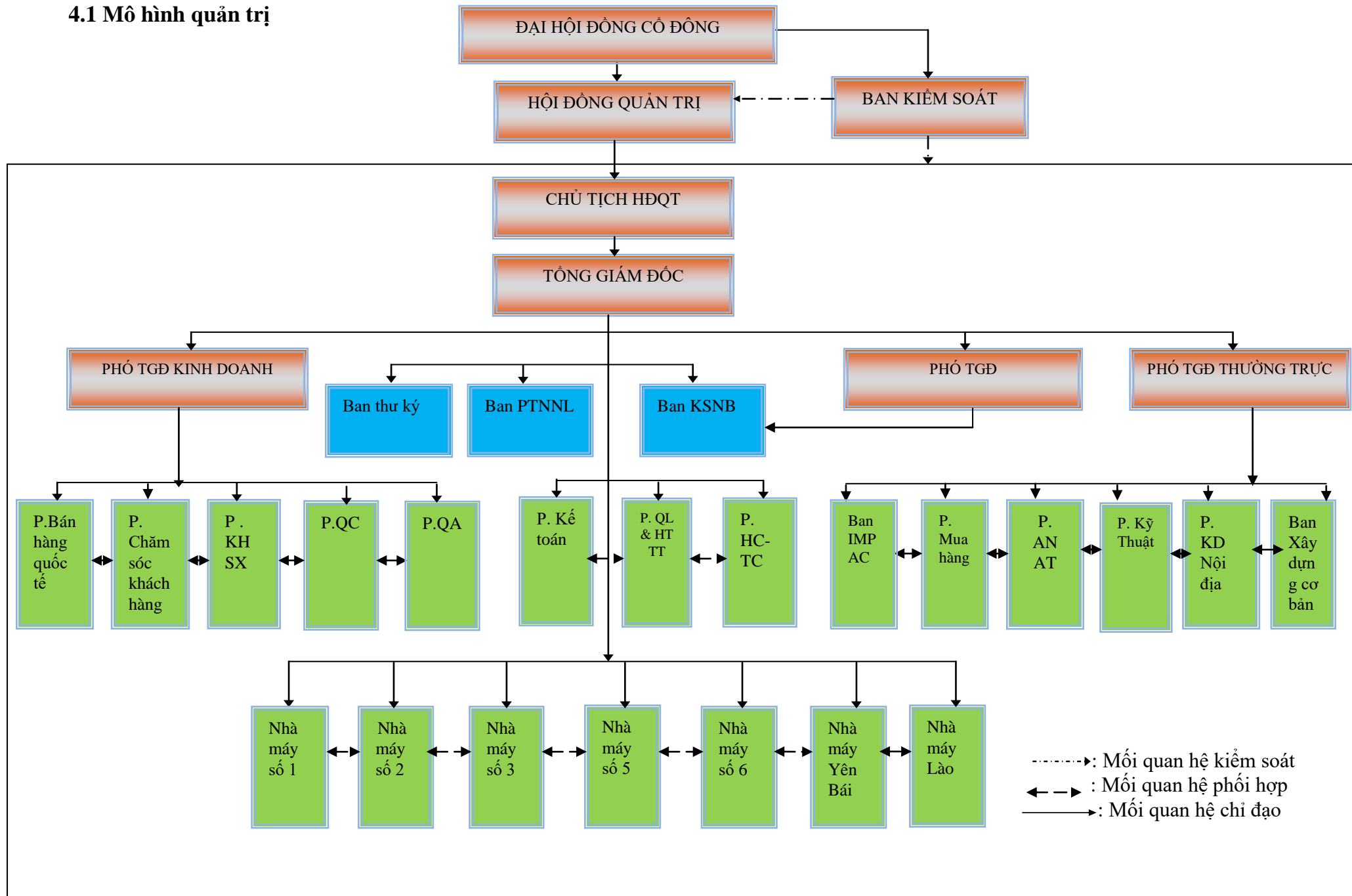
- **Địa bàn kinh doanh:** Hiện công ty xuất khẩu 98% tổng sản lượng ra nước ngoài với các thị trường chủ yếu: Châu Âu, Nhật Bản, Úc...

Khách hàng của An Phát



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: AAA có trụ sở chính tại Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đồng, TT Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và 01 VP Đại diện tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Nhật Bản và 01 Văn phòng đại diện tại Thụy Điển.

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	86.000.000.000 đồng	91,86%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH nhựa Thakhek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang hoạt động
3	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Công ty liên kết	29.999.890.000 đồng	33,22%	Đang hoạt động

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Phát triển nhanh mạnh, lấy sản xuất bao bì tự huỷ làm ngành chủ đạo
 - Phân đấu trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất Đông Nam Á.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
 - Công ty tập trung nhân lực và vật lực cho các hoạt động sản xuất bao bì thân thiện với môi trường, hoàn thành các dự án đang triển khai, nhanh chóng đưa sản phẩm vào thị trường thu lợi nhuận cao nhất.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - An Phát phân đấu trở thành doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội trong ngành bao bì nói chung và địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng. Đảm bảo các hoạt động sản xuất tuân thủ đúng quy định pháp luật về môi trường; lương và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động luôn duy trì ở mức cao.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

❖ **Tăng trưởng kinh tế**

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Chính sách tiền tệ thắt chặt, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu, giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu khiến cho dự đoán tăng trưởng trong năm 2015 của hầu hết các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam đều được điều chỉnh giảm.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội cho toàn dân.

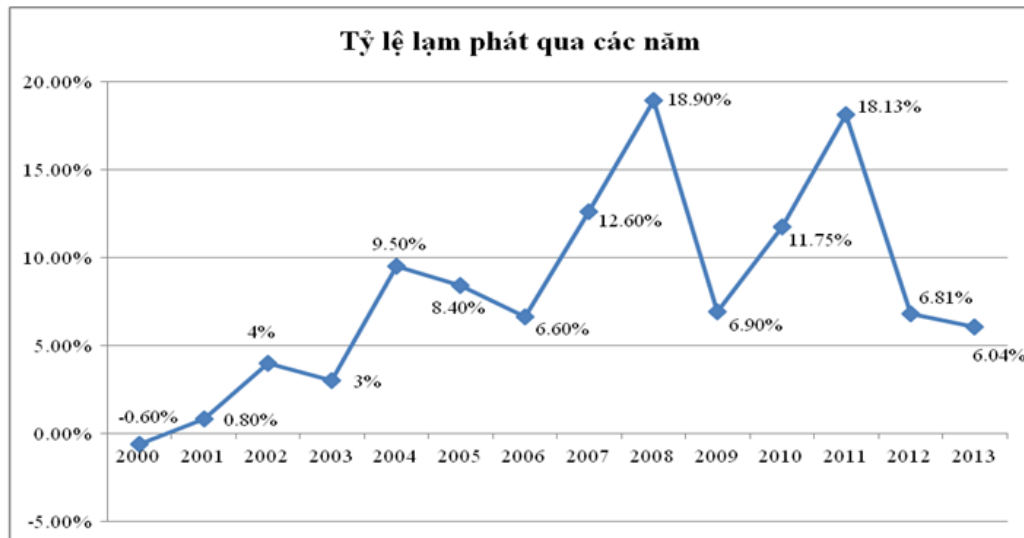
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013. Tính chung 6 tháng đầu năm 2015, tổng mức tăng trưởng đạt 6,28%, cao hơn mức 6,2% mà Chính phủ đặt ra cho cả năm 2015. Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, việc Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới với việc đàm phán tham dự Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), sẽ tạo cơ hội cho các Doanh nghiệp Việt Nam mở rộng đầu tư, sản xuất và kinh doanh.

❖ **Lạm phát**

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Trong những năm trở lại đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam biến động mạnh, tiềm ẩn rủi ro khá cao đối với các thành phần kinh tế. Dưới đây là thống kê tỷ lệ lạm phát của nước ta giai đoạn 2000-2013:

Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Giai đoạn 2004 đến 2011 chứng kiến một sự biến động mạnh của tỷ lệ lạm phát của nước ta. Năm 2004 đạt mức 9,5%, tăng hơn gấp 3 lần so với 2003. Đỉnh điểm của sự gia tăng là năm 2008 với mức 18,9%, sau đó giảm mạnh xuống 6,9% vào năm 2009 trước khi tăng mạnh trở lại vào năm 2011 lên mức 18,13%. Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đạt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2014, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kìm thấp ở mức 4.09%. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

6.2 Rủi ro về lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi Doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các Doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong những giai đoạn lạm phát tăng cao, mức lãi suất cho vay tại các ngân hàng cũng cao tương ứng, cùng với tính thanh khoản thấp của hệ thống ngân hàng, rất khó để các Doanh

ngành có thể tiếp cận được nguồn vốn vay với chi phí hợp lý. Đỉnh cao là giai đoạn năm 2010 và đầu năm 2012, lãi suất cho vay trên thị trường lên tới 20%, tạo nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong việc duy trì vốn để hoạt động, dẫn đến sự giải thể của hàng loạt các doanh nghiệp. Tuy nhiên bằng việc kiểm chế thành công lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong năm vừa qua, lãi suất thị trường cũng giảm theo, đi cùng với đó là thanh khoản của các ngân hàng tăng lên, tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vay có chi phí thấp. Hiện nay, các doanh nghiệp tốt, đáp ứng được các nhu cầu của Ngân hàng hầu hết được tiếp cận nguồn vay với lãi suất khá thấp và hợp lý, 7-8% năm.

6.3 Rủi ro về tỷ giá

Trong năm 2014, để ổn định tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tiếp tục sử dụng các biện pháp ổn định thị trường ngoại hối và nhanh chóng can thiệp khi thị trường có biến động như giới hạn đối tượng được vay ngoại tệ, quy định giảm trần lãi suất tiền gửi USD đối với các doanh nghiệp xuống còn 0,25%/năm, đối với cá nhân là 0,75%/năm. Ngoài ra, mức dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục cùng với việc cân cân thương mại tiếp tục thặng dư đã giúp diễn biến thị trường ngoại hối Việt Nam trong năm 2014 tương đối ổn định. Tuy nhiên, trước những biến động của kinh tế thế giới như việc kinh tế Mỹ phục hồi, Fed thắt chặt chính sách tiền tệ... áp lực tăng lãi suất và tỷ giá USD trên thị trường quốc tế là không tránh khỏi. Cụ thể, trong 9 tháng đầu năm 2015, NHNN đã điều chỉnh tỷ giá VND/USD tăng 3% lên mức 21.890, tăng biên độ tỷ giá từ +/-1% lên +/-3%. Trong ngắn hạn, việc mất giá của tiền đồng sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế đều tin tưởng rằng sau đợt điều chỉnh mạnh tỷ giá vừa qua, đồng Việt Nam đã có dư địa đủ lớn để linh hoạt trước các diễn biến bất lợi trên thị trường quốc tế và trong nước không chỉ từ nay đến cuối năm mà cả những tháng đầu năm 2016, tạo sự ổn định vững chắc cho thị trường ngoại tệ và đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

Với đặc thù hoạt động sản xuất của Công ty là nhập khẩu hầu hết các nguyên vật liệu chính và xuất khẩu sản phẩm, AAA chủ động cân bằng nhu cầu sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu và nguồn thu ngoại tệ để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, Công ty chủ động vay các khoản tín dụng bằng ngoại tệ từ một số ngân hàng trong nước để được hưởng lãi suất thấp, giảm chi phí tài chính nhưng không làm tăng rủi ro về tỷ giá do Công ty đã tính toán nguồn thu từ xuất khẩu sản phẩm.

6.4 Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về Luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành sản xuất cũng như nền kinh tế. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và cổ phiếu công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung nên hoạt động của An Phát chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải. Ngoài ra, với đặc thù xuất khẩu phần lớn các sản phẩm của mình, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, thuế chống bán phá giá của các nước. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, những chính sách mới của Thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường, vì vậy việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nhằm bắt được xu thế này, An Phát đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy – sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Do vậy, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không làm ảnh hưởng nhiều tới An Phát.

6.5 Rủi ro đặc thù ngành

❖ Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Với chính sách ưu đãi thuế cho các dự án sản xuất tại các khu công nghiệp, việc thành lập một công ty sản xuất bao bì nhựa hiện nay không mấy khó khăn. Nhìn chung, rào cản ra nhập ngành tương đối thấp và số lượng các công ty mới xâm nhập vào ngành không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, sản phẩm và thị trường đầu ra ổn định là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại của các doanh nghiệp

này. Sự khác biệt về sản phẩm không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên các doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt. Số lượng các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu sản phẩm như An Phát ngày càng tăng khiến việc duy trì thị phần xuất khẩu ở vị trí hàng đầu như hiện nay của Công ty là một thách thức lớn. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các nước trong khu vực cũng là một trong những yếu tố mà An Phát cần quan tâm.

Hiện nay, trên thị trường hiện tượng hàng giả, hàng nhái kém chất lượng đã và đang xuất hiện tràn lan. Những loại sản phẩm nhái nhãn hiệu này gây thiệt hại không nhỏ về uy tín thương hiệu của những doanh nghiệp trong cùng ngành nghề trong khi luật pháp Việt Nam chưa có những chế tài hay nếu có chỉ là xử phạt hành chính với mức phạt không đủ để răn đe những hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ thương hiệu, bản quyền. Tuy nhiên, với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối nhỏ, lẻ. Chính nhờ định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng nhái kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

❖ **Rủi ro nguồn nguyên liệu sản xuất**

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được hay sản xuất với sản lượng rất hạn chế, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Với tình hình biến động thường xuyên về giá dầu thô dẫn tới biến động về giá hạt nhựa, gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

Tuy nhiên, những rủi ro về giá nguyên vật liệu tăng đã và đang được hạn chế nhờ có Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ của Công ty hoạt động từ năm 2010. Bên cạnh đó Công ty chỉ nhập nguyên liệu khi nhận được đơn hàng, giá mua nguyên vật liệu đã được tính vào giá bán cho khách chính vì vậy sự biến động về giá nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến công ty.

6.6 Rủi ro về môi trường

Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, là băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài... dẫn đến thiếu lương thực, thực phẩm và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm... gây suy thoái kinh tế, xung đột và chiến tranh, mất đi sự đa dạng sinh học và phá huỷ hệ sinh thái.

Ở Việt Nam, tác động của biến đổi khí hậu cũng đã được nhận thấy qua nhiều dấu hiệu, bằng chứng. Trước hết, những diễn biến bất thường của thời tiết, khí hậu trong nhiều năm gần đây có thể được cho là có liên quan đến sự biến đổi của các hệ thống hoàn lưu khí quyển, đại dương qui mô lớn cũng như sự biến đổi trong hoạt động của gió mùa châu Á. Bão, áp thấp nhiệt đới có xu hướng dịch chuyển về phía nam và có quỹ đạo phức tạp, khó dự báo hơn. Hạn hán, lũ lụt dường như xảy ra bất thường hơn. Hiện tượng nắng nóng có xu hướng gia tăng cả về cường độ, tần suất và độ dài các đợt. Số ngày rét đậm, rét hại giảm đi nhưng mức độ khắc nghiệt và độ kéo dài các đợt có dấu hiệu gia tăng những hiện tượng cực đoan, dẫn đến sự gia tăng các thiên tai có nguồn gốc khí tượng, tác động xấu đến nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế xã hội và môi trường.

Mặc dù không chịu tác động trực tiếp từ những ảnh hưởng biến đổi khí hậu, môi trường sinh thái, nhưng An Phát cũng gián tiếp chịu ảnh hưởng khi nền kinh tế có dấu hiệu bất ổn và khi vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn do thời tiết (sản phẩm của An Phát chủ yếu vận chuyển đường biển tới khách hàng). Trong chiến lược phát triển của mình An Phát đã có nhiều chính sách thực hiện chiến lược “phát triển bền vững” của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường, thông qua việc nhận diện và đánh giá các khía cạnh môi trường để từ đó ngăn chặn, giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường. Luôn nâng cao việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên thông qua các hoạt động cải tiến liên tục về quy trình, công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, thực hiện đánh giá quan trắc định kỳ hàng năm theo quy định, ký hợp đồng với các đơn vị thu gom và xử lý rác thải của Công ty. Đồng thời, Công ty không ngừng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường đối với toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, góp phần làm cho môi trường làm việc luôn xanh – sạch – đẹp.

6.7 Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên thì vẫn còn một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt

hại về người và của cho Công ty, đó là những rủi ro về hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.400.000.000.000	1.521.961.578.921	108,7
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	30.000.000.000	62.905.054.227	209,7

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

1.2 Những thay đổi chính trong năm

- Đã hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong năm Công ty đã phát hành thành công 300.000 trái phiếu kèm chứng quyền thu về 300.000.000.000 đồng phục vụ cho đầu tư nhà máy mở rộng sản xuất.
- Từng bước mở rộng sản xuất với việc vận hành Nhà máy sản xuất số 5 tại KCN Nam Sách – T.P Hải Dương có công suất thiết kế 7.200 tấn /năm. Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 6 có công suất 37.000 tấn sản phẩm/năm chuyên xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản
- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các thị trường tiềm năng cả về chiều rộng cũng như việc đa dạng hoá sản phẩm tại thị trường. Mở rộng nhiều thị trường mới đặc biệt là Nhật Bản và Úc.
- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ cho người lao động của Công ty cũng như đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.
- Trong năm do biến động của giá dầu thô thế giới ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá nhựa nguyên liệu và đẩy sự tiêu thụ sản phẩm của các đối tác với An Phát vào khó khăn, Công ty đã phải trợ giúp khách hàng bằng việc giảm giá hàng bán làm cho lợi nhuận trong Quý 1 không được khả quan như kỳ vọng nhưng đã giúp An Phát

có được niềm tin và sự hợp tác lâu dài từ các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty, giúp việc mở rộng thị trường sau này tiến triển thuận lợi. Từ Quý 2 trở đi An Phát đã phục hồi được đơn hàng, giá bán, thị trường giúp ổn định doanh thu và lợi nhuận góp phần đảm bảo hoàn thành kế hoạch cả năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

- **Ông Nguyễn Lê Trung - Tổng giám đốc – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- **Ông Phạm Hoàng Việt - Phó TGD Thường trực – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

• **Ông Trần Hoàng Hoan - Phó tổng giám đốc sản xuất**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Tu nghiệp sinh Hàn Quốc

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 1998	Kinh doanh	
1998 – 2005	Tu nghiệp và làm việc tại Hàn Quốc	
06/2005 – 04/2008	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó Giám đốc
05/2008 – 11/2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy
11/2009 – 06/2010	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy sản xuất số 1
07/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc sản xuất

• **Bà Trần Thị Thoản – Phó Tổng giám đốc Phụ trách kinh doanh**

- Ngày tháng năm sinh: 27/07/1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2007 – 09/2009	Công ty TNHH XQ Việt Nam	Phụ trách Đối ngoại
2009 đến 12/2015	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc Trung tâm kinh doanh
12/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

• **Bà Hoà Thị Thu Hà - Kế toán trưởng – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005-3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm: Bổ nhiệm bà Trần Thị Thoàn làm Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh.

2.3 Nguồn nhân lực

Nội dung	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Số lượng lao động	1283	1124	1252	1068
Trên đại học	3	3	3	3
Đại học	121	84	94	61
Cao đẳng	197	123	87	74
Trung cấp nghề	98	77	169	64
PTTH	864	837	899	866
Nam	1040	836	1014	775
Nữ	243	288	238	293

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình

văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch,...tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

Bên cạnh đó các hoạt động đoàn thể được đẩy mạnh theo chủ trương tạo môi trường sinh hoạt chính trị cho mọi công dân; tại Công ty: Đảng bộ, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên... là các tổ chức tích cực trong công tác đoàn hội và góp phần không nhỏ trong việc tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

- **Các công ty con**

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	86.000.000.000 đồng	91,86%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang hoạt động
3	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Công ty liên kết	29.999.890.000 đồng	33,22%	Đang hoạt động

- **Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái**

- Giấy CN ĐKDN: 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/10/2009.
- Trụ sở: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa
- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 91,86%
- Hoạt động hiện tại: Nhà máy An Phát – Yên Bái (An Phát Mineral) đã

được khởi công xây dựng với dây chuyền công nghệ hiện đại. Hiện nay, An Phát Mineral đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3) đạt tiêu chuẩn quốc tế và hạt nhựa CaCO_3 .

An Phát – Yên Bái định hướng sẽ xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thay vì chỉ phục vụ sản xuất của An Phát như hiện nay. An Phát – Yên Bái đã ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sản phẩm với các đối tác tại Ả-rập, Singapore, Israel, Hàn Quốc và Ấn Độ.

- **Công ty TNHH Nhựa Thakhek**

Công ty TNHH Nhựa Thakhet là một dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có vốn Điều lệ là 2.500.000 USD (sau khi điều chỉnh), trong đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là đơn vị góp 100% vốn Điều lệ. Hiện Công ty đang trong quá trình xây dựng nhà máy.

- **Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh**

AAA đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

3.2 Tình hình đầu tư

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 6 trên diện tích 99.212 m² của Cụm Công nghiệp An Đông, Nam Sách, Hải Dương. Nhà máy có công suất thiết kế đạt 37.000 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Nhà máy được đầu tư với tổng kinh phí dự kiến là 500.639.400.000 đồng. Dự kiến, tháng 6 năm 2016 Nhà máy sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.

Tháng 12/2015, An Phát cũng đã mua 15.000 m² đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 13 của Cụm CN An Đồng, để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 7 chuyên phục vụ thị trường Hoa Kỳ. Dự kiến tháng 10/2016 Nhà máy sẽ được xây dựng hoàn thiện.

Với 2 dự án mới và đầy tiềm năng này, An Phát hy vọng sẽ thâm nhập sâu hơn nữa vào thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ - những thị trường lớn và uy tín của thế giới. Dự án cũng sẽ thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận cho công ty vào các năm tiếp theo, tạo ra nhiều việc làm cho lao động địa phương, đóng góp ngân sách đáng kể cho tỉnh Hải Dương.

4. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài chính*

ĐVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.363.541	1,820,836	34%
Doanh thu thuần	1.531.827	1,521,961	-1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.304	61,153	45%
Lợi nhuận khác	459	1,751	281%
Lợi nhuận trước thuế	42.763	62,905	47%
Lợi nhuận sau thuế	36.270	54,758	51%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.96	1.34	1.38
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.58	1.07	1.06
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.54	0.46	0.57
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.16	0.86	1.33
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5.49	8.50	8.58
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.06	1.12	0.84

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.04	0.02	0.04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.09	0.05	0.07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.04	0.03	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.05	0.03	0.04

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần đang lưu hành:

STT	Tiêu chí	Số lượng
1	Tổng số cổ phần đang giao dịch	49.499.998
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng	49.499.998
3	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	49.499.988	100
- Cổ đông lớn:	24.240.197	48,97
- Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	25.259.791	51,03
Trong đó:		
- Nhà nước:	0	
- Người nước ngoài:	10.315.187	20,80

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 01/02/2016 của AAA)

- **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Điều lệ**

TT	Cổ đông	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Beira Limited	CS3890	6.536.372	13,26
Tổng				13,26

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 01/02/2016 của AAA)

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1607/2015/NQ-ĐHĐ ngày 16/07/2015 của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2015, AAA đã phát hành thành công 9.899.988 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 494.999.880.000 đồng.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	396.000.000.000	198.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	98.999.880.000	198.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	494.999.880.000	396.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	98.999.880.000	19.800.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2015 Cổ phần	Năm 2014 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.499.988	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

Trái phiếu: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1101/2015/NQ-ĐHĐ ngày 04/11/2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 251101/NQ-HĐQT ngày 25/11/2015, Nghị quyết HĐQT số 2711/2015/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành 300.000 trái phiếu kèm chứng quyền, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương.

6. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội**6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu****a) Tổng lượng nguyên liệu vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm**

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2015
1	Hạt nhựa	Tấn	46,075
2	Mực in	Tấn	58
3	Dung môi	Tấn	160
4	Hộp carton	Hộp	7,446,506
5	Tem dán	Chiếc	24,087,326

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Số lượng tái sử dụng năm 2015	Ghi chú
1	Phế liệu nhựa	tấn	9,558
2	Hạt nhựa	tấn	700

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Do đặc thù sản xuất, An Phát chủ yếu sử dụng điện năng cho hoạt động với lượng điện tiêu thụ hàng năm khoảng hơn 20 triệu KW. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của An Phát là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, An Phát luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

6.3 Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty An Phát đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, với lượng nước sử dụng trung bình như sau:

+ Khu công nghiệp Nam sách: từ tháng 01/2015 – T11/2015: 15.113m³

+ Cụm An Đồng: Từ tháng 01/2015 – T11/2015: 32.968 m³

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo ĐTM, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho Khu vực.

Do vậy trong quá trình hoạt động Công ty An Phát chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng chung của toàn hệ thống Công ty từ Ban giám đốc tới các cấp quản lý đến Công nhân. Công ty luôn áp dụng các chính sách phù hợp với thực tế để đảm bảo chính sách về sức khỏe và an toàn lao động và phúc lợi thực sự có ích cho người lao động.

Công ty sẽ cập nhật và thu thập những thông tin mới nhất về các mối nguy hại tiềm ẩn có thể có trong nguyên liệu, trang thiết bị trong Công ty. Những thông tin này sẽ được hợp pháp hóa và thông báo công khai cho người lao động. Công ty sẽ hạn chế hoặc có những giám sát đặc biệt khi bắt buộc phải sử dụng các chất có tiềm ẩn các mối nguy hại tới sức khỏe của người lao động. Công ty sẽ đảm bảo sự duy trì kiểm soát các nhà máy, hệ thống máy móc, trang thiết bị kỹ thuật một cách an toàn và giảm thiểu rủi ro cho người lao động. Công ty sẽ triển khai chương trình quản lý rủi ro có thể có và thông báo tới toàn thể CBCNV.

Bên cạnh việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động Công ty cũng luôn chăm lo tới đời sống anh em cán bộ công nhân viên Công ty. Hằng năm Công ty đều tổ chức nhiều chương trình vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên công ty như: các giải bóng đá phong trào giữa các đơn vị sản xuất của công ty, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên dịp 30/4, 1/5 và 2/9, tổ chức sinh nhật cho tập thể CNV, tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ khi bản thân hoặc gia đình CBCNV công ty bị ốm đau, hiếu, hi... Công ty cũng có khu nhà nội trú cho cán bộ công nhân viên bên cạnh nhà máy sản xuất số 3. .

Không chỉ vậy, Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn tổ chức khám sức khỏe CBCNV định kỳ 1-2 lần/ năm, hoàn thiện các thủ tục BHXH cho cán bộ, công nhân viên công ty, bảo đảm 100% người lao động làm việc lâu dài tại công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng

Với mục hướng tới hình ảnh “Công ty Xanh thân thiện với môi trường – Doanh nghiệp điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội” Công ty An Phát đã có nhiều hoạt động cộng đồng có ý nghĩa, tiêu biểu như: Tham gia chương trình “Nhịp điệu tháng 3” do Trung ương đoàn tổ chức tại Công ty vào tháng 3 năm 2009. Thực hiện tài trợ cho đội tuyển Robocom TNT – Đại học Bách Khoa Hà Nội tham dự cuộc thi Robocom Việt Nam năm 2009. Đội tuyển do Công ty tài trợ đã lọt vào vòng chung kết của cuộc thi diễn ra tại Thành phố Huế. Tham gia chương trình “Tuổi trẻ nói không với Ma túy” do Đoàn thanh niên Cộng sản tỉnh Hải Dương phát động. Tham gia ủng hộ từ thiện như: ủng hộ đồng bào miền Trung

– Tây nguyên chịu ảnh hưởng lũ lụt năm 2009, ủng hộ hàng năm cho quỹ Vì người nghèo huyện Nam Sách số tiền là 500 triệu đồng, ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng của động đất và sóng thần. Phát động và thực hiện chương trình “Nắng xuân về Bản” trong tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, bằng việc vận động ủng hộ quần áo, sách vở, đồ ăn cho đồng bào Mù Căng Chải năm 2009; Tham gia chương trình Xây dựng Nhà Đại Đoàn kết tại huyện Nam Sách năm 2010 với việc trao tặng 02 căn nhà tình nghĩa cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn của huyện.

Tham gia chương trình “Mái ấm Công Đoàn” do BCH Công đoàn các khu CN tỉnh Hải Dương phát động với việc trao tặng nhà cho chị Bùi Thị Đào – Công nhân có hoàn cảnh khó khăn của Công ty.

Tham gia hưởng ứng chương trình xây dựng các Công trình nước sạch tại địa bàn tỉnh Hải Dương do Tỉnh đoàn Hải Dương phát động bằng việc trao tặng 03 công trình nước sạch tại huyện Thanh Hà, Ninh Giang; Công ty phối hợp cùng Tỉnh đoàn Hải Dương tổ chức Ngày hội Việc làm cho người lao động trong tỉnh với nhiều hoạt động thiết thực nhằm tìm kiếm việc làm và thu hút người lao động tới doanh nghiệp; Công ty đã phối hợp cùng UBND huyện Nam Sách thành lập Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ An Phát với kinh phí hàng năm là 100 triệu đồng – trao nhiều suất học bổng cho các em học sinh có thành tích tốt trong học tập.

Công ty đã phối hợp cùng kênh VTV6 Đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình “Thanh niên lập nghiệp” năm 2009, 2010. Theo nguyện vọng và sự nhất trí của cán bộ công nhân viên công ty, Công ty đã thành lập Quỹ từ thiện An Phát với số tiền huy động từ đóng góp của cán bộ công nhân viên. Số tiền thu được của Quỹ này sẽ được dùng để tặng cho các em nhỏ hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, các cụ già neo đơn không nơi nương tựa, các Hội người nghèo.... năm 2007, 2008, công ty đều tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo của huyện Nam Sách số tiền 10.000.000 đồng/năm, ủng hộ quỹ Hội người mù của huyện 3.000.000 đồng/năm.

Nhân dịp khởi công dự án Nhà máy sản xuất CaCO₃ tại Yên Bái, Công ty đã phối hợp với Tỉnh đoàn Yên Bái và ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái thực hiện chương trình bán đấu giá các trang phục được làm từ sản phẩm tái chế của thanh niên An Phát thu hơn 45.000.000 đồng ủng hộ Quỹ vì người nghèo của tỉnh Yên Bái

Nhân dịp Tết Tân Mão 2011, hưởng ứng đợt phát động phong trào của Hội đồng Nhân Dân, Ủy Ban nhân dân huyện Nam Sách. Công ty đã ủng hộ với số tiền 50.000.000 đồng trong dịp bắn pháo hoa mừng Đảng, mừng xuân mới. Công ty phối hợp với Ban thường vụ

huyện Đoàn Nam Sách, trao 05 suất quà cho cựu thanh niên xung phong, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn huyện, mỗi suất quà trị giá 250.000 đồng.

Trong năm 2011, Công ty đã ủng hộ xây dựng 10 căn nhà nhân ái cho hộ nghèo, người già cô đơn, cựu thanh niên xung phong ... với số tiền là 130.000.000 đồng. Hỗ trợ toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho toàn bộ các nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tại huyện Ninh Giang với số tiền là 15.000.000 đồng. Cùng với 3 DN khác trên địa bàn tỉnh tặng quà, cấp phát thuốc miễn phí cho các nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin cho toàn tỉnh Hải Dương với số tiền là: 20.000.000 đồng. Phối hợp với huyện Đoàn Nam Sách, ủng hộ 10 suất quà cho các cháu học sinh nghèo vượt khó và các hộ nghèo trên địa bàn huyện Nam sách với số tiền là 3.000.000 đồng.

Từ năm 2010 đến nay, Công ty trích lợi nhuận hàng năm thành lập Quỹ hỗ trợ và phát triển tài năng giáo dục An Phát, kinh phí 100.000.000 đồng/ năm, giành trao phần thưởng cho các thầy và trò của huyện Nam Sách đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

Hàng năm, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đất nước, công ty đều có những phần quà giành tặng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương bệnh binh, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hải Dương và cả nước. Trong dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 công ty đã trao các suất quà trị giá 63.000.000 đồng cho Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Hải Dương; Trao quà cho Trung tâm bảo trợ tỉnh Hải Dương trị giá 50.000.000 đồng; Trao quà cho Hội người mù huyện Nam Sách trị giá 63.000.000 đồng; Trao quà trị giá 62.300.000 đồng cho các bệnh nhân khoa ung bướu Bệnh viện Việt Đức. Cùng nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa khác.

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả hoạt động

1.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 cụ thể như sau:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.400.000.000.000	1.521.961.578.921	108,7
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	30.000.000.000	62.905.054.227	209,7

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ AAA)

Tổng doanh thu cả năm đạt 1.521.961.578.921 đồng đạt 108,7 % so với kế hoạch, giảm 0,68% so với năm 2014, tuy nhiên Lợi nhuận của Công ty đạt 62.905.054.227 đồng bằng 209,7% so với kế hoạch, tăng trưởng 47,1% so với năm 2014. Đây là nỗ lực của Công ty khi vượt qua thời kỳ khủng hoảng của giá dầu, giá nguyên liệu, trong tổng lợi nhuận đạt được có một phần đến từ cổ tức của công ty con trong năm 2015.

- Về thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị:

- Trong năm qua Ban điều hành đã rất cố gắng trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tích cực trong việc chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện xây dựng các Nhà máy mới của Công ty đặc biệt là siêu dự án Nhà máy sản xuất số 6 có công suất 37.000 tấn sản phẩm/năm , ...

- Trong năm, Ban điều hành cũng đã phối hợp cùng Hội đồng quản trị thực hiện thành công kế hoạch phát hành 300.000 trái phiếu kèm chứng quyền cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – VIB để huy động vốn cho dự án Nhà máy 6, các kế hoạch và công việc khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

3.2 Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản**

Cơ cấu tài sản của công ty qua 4 năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	432.666	49,96	489.310	44,37%	672.369	49,31%	807.996	44.38%
Tài sản dài hạn	433.425	50,04	613.552	55,63%	691.172	50.69%	1.012.840	55.62%
Tổng	866.092	100	1.102.862	100%	1.363.541	100%	1.820.836	100%

Tổng tài sản của công ty đã tăng lên liên tục trong những năm qua do hoạt động sản xuất kinh doanh ngày được mở rộng liên tục. Cùng với đó là cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi, theo đó tài sản ngắn hạn đang dần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản.

Trong năm 2015 công ty không có nợ xấu không thu hồi được.

- Tình hình nợ phải trả

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	432.666	489.310	672.369	807,996
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	354.165	510.076	503.035	586,432
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1,22	0,96	1.34	1.38

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn không có sự biến động lớn qua các năm, hiện tại năm 2015 hệ số nợ ngắn hạn giữ ở mức 1.38 là ở mức an toàn của doanh nghiệp.

- Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,58	1.07	1.06

Hệ số thanh toán nhanh của công ty cũng không có sự biến động lớn qua các năm và cũng giữ ở mức an toàn.

- Hệ số thanh toán dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tài sản dài hạn (triệu đồng)	433.425	613.552	691.172	1,012,840
Nợ dài hạn (triệu đồng)	16.611	83.082	127.650	453,200
Hệ số thanh toán nợ dài hạn	26,09	7,38	5,41	2.23

Khả năng thanh toán nợ dài hạn 2,23 trong năm 2015, với công ty được đánh giá là tốt.

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

- Trong năm Ban Tổng giám đã thực hiện rà soát lại nội lực, đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, xem xét năng lực cán bộ công nhân viên để có phương án thay đổi nhân sự theo hướng ngày càng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Ban Tổng giám đốc đã xem xét các chỉ tiêu khoán tại nhà máy nhằm tăng hiệu quả hoạt động cũng như tạo ra những khuyến khích cho các nhà máy của công ty. Đồng thời, tích cực tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu mới bên cạnh các nhà cung cấp truyền thống nhằm đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tăng tính chủ động trong sản xuất kinh doanh, góp phần giảm chi phí đầu vào.

- **Công tác quản trị tài chính**

- Ban Tổng giám đốc rất cố gắng trong việc minh bạch hóa các hoạt động tài chính của công ty, đồng thời tích cực tìm kiếm nguồn đầu tư nhằm sử dụng nguồn vốn của các cổ đông và nhà đầu tư có hiệu quả. Ban Tổng giám đốc và bộ phận kế toán - tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động tài chính công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

- **Công tác quan hệ công chúng**

- Trong năm qua, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận chịu trách nhiệm công bố Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo quản trị, các thông tin khác theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Các thông tin về hoạt động của công ty liên tục được cập nhật tại website www.anphatplastic.com để các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm tiện theo dõi, đặc biệt là các thông tin về thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền trong năm 2015.

- **Công tác xã hội, hoạt động cộng đồng**

Thực hiện đúng các định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mục tiêu về hoạt động cộng đồng, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện tốt các chính sách xã hội cho người lao động như: Xây dựng và sử dụng Quỹ từ thiện để ủng hộ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà Đại đoàn kết, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh sau giờ làm việc cho người lao động, ủng hộ các chương trình khuyến học tại địa phương, giúp đỡ gia đình chính sách, tổ chức giải bóng đá An Phát lần thứ 1, Ngày hội thiếu nhi 1-6, Tết Trung thu....

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ❖ **Định hướng phát triển của Công ty**

“Trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á

Doanh nghiệp điển hình về thực hiện Trách nhiệm xã hội”

- **Đẩy mạnh sản xuất**

- Trong các năm tới, xác định rằng sản phẩm tự hủy sẽ được các nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường lớn như Nhật Bản, EU, Châu Úc... ưa chuộng, Công ty sẽ chú trọng để phát triển mặt hàng này. Trong dài hạn, sản phẩm túi tự hủy sẽ là sản phẩm chính của Công ty.

- Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề.
- Công ty đã hoàn thiện xây dựng Nhà máy sản xuất số 5 tại Khu CN Nam Sách – Một trong những nhà máy hiện đại nhất miền Bắc chuyên sản xuất những mặt hàng cao cấp cung ứng cho thị trường Nhật Bản. Trong năm 2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất số 6 – Công suất 3.700 tấn sản phẩm/năm chuyên phục vụ nhu cầu của thị trường Nhật Bản. Bước sang năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư Nhà máy sản xuất số 7 trên diện tích 15.000 m² tại Cụm CN An Đồng sản xuất sản phẩm cho thị trường Hoa Kỳ.
- Với năng lực hiện có Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hủy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới.
- Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...
- **Đẩy mạnh xuất khẩu**
 - Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Mỹ, Nhật Bản và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa cao cấp, bao bì tự phân hủy theo dạng cuộn, Tshirt, túi siêu thị và túi rác.
 - Trong giai đoạn phát triển tới, Công ty sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa kỳ và Mỹ La Tinh trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp.
- **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**
 - Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty.

Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học...

- Ban Điều hành sẽ đề nghị Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khen thưởng những cá nhân có nhiều thành tích xây dựng và phát triển công ty bằng cổ phiếu AAA.

5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên trong công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa tình hình kinh tế có nhiều biến động bất lợi cho Công ty, nhất là trong nửa đầu năm 2015 khi công ty chịu ảnh hưởng của giá dầu thô và các biến động của thị trường chủ lực.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban tổng giám đốc, Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng giám đốc, cụ thể Ban Tổng giám đốc đã:
 - + Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đã đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.
 - + Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng được yêu cầu công việc.
 - + Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho Hội đồng quản trị và bất kỳ khi nào cần thiết.
 - + Công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời, chính xác.
 - + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban tổng giám đốc trong kế hoạch xây dựng và đưa Nhà máy sản xuất số 5 vào hoạt động và xuất khẩu thành công sang thị trường Nhật Bản.

- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, trong việc phát hành 300.000 trái phiếu kèm chứng quyền cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế - chi nhánh Hải Dương.
- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng trong việc triển khai xây dựng dự án Nhà máy sản xuất số 6 theo đúng tiến độ đã được phê duyệt

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị định hướng cần giữ vững vị trí số 1 trong ngành sản xuất bao bì màng mỏng ở Việt Nam, vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á.
- Hoàn thành dự án Nhà máy sản xuất số 6 vào tháng 6/2016
- Hoàn thiện dự án Nhà máy sản xuất số 7 vào tháng 10/2016
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng lĩnh vực xuất khẩu đặc biệt vào các thị trường tiêu thụ lớn ở Châu Âu, Châu Úc đặc biệt là Nhật Bản, ...bằng các kế hoạch Marketing thu hút trọng điểm, tăng cường hệ thống kênh phân phối, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động.
- Tiếp tục định hướng trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, đặc biệt chú ý xem xét các đề xuất của các phòng ban, nhà máy, chú trọng đầu tư phát triển bền vững lưu ý các đề án, công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy, các dự án. Tích cực tìm kiếm các nguồn lực về công nghệ để phục vụ sản xuất và nâng cao hiệu quả công việc cho các bộ phận của công ty.
- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2016 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.
Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2016 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
1	Tổng doanh thu hợp nhất (đồng)	2.100.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (đồng)	100.000.000.000

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT
Sinh năm: 1976

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC	Nhân viên kế toán
2000 – 2002	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo	Kế toán trưởng
2002 – 2007	Công tác tại công ty TNHH Anh Hai Duy	Giám đốc công ty
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Chủ tịch HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Chủ tịch HĐQT
2010 – 06/2011	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
07/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT

- **Ông Nguyễn Lê Trung – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- **Ông Phạm Hoàng Việt – Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Thường trực**

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

• **Bà Hoà Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng**

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005-3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

• **Ông Phạm Đình Ngr – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1977 – 1980	Đơn vị X49 – Bộ tư lệnh Công Binh	Nhập ngũ
1980 – 1989	Phân xưởng Cơ điện – X49	Nhân viên
1990 – 1991	Phân xưởng Cơ điện – X49	Bí thư đoàn Nhà máy
1992 – 1994	Đội khai thác than Vàng Danh	Đội phó
1994 – 2005	Xưởng Cơ khí – Nhà máy Z49	Bí thư chi bộ - Phó Quản đốc
2006 – 2012	Xưởng cơ khí – Thủy lực – Nhà máy Z49 –	Quản đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Bộ tư lệnh Công binh	
2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT

2. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Không có

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1 Vai trò của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh từng năm, giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên và lưu trữ theo đúng quy định.
- Hiện Ban Tổng giám đốc có 2/4 thành viên là thành viên Hội đồng quản trị do đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị của Công ty linh hoạt, nhất quán và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan, hiệu quả trong các quyết định của Công ty.

3.2 Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2015, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương thưởng, các dự án đầu tư...
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết sau để phục vụ công tác điều hành:

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	0601/2015/NQ-HĐQT	06/01/2015	Ban hành một số quy định trong công tác xây

			dựng cơ sở hạ tầng tại Công ty
2	1201/2015/NQ-HĐQT	12/01/2015	Phê duyệt kế hoạch san lấp và thi công một số hạng mục của dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa (Nhà máy 6) tại Cụm Công nghiệp An Đồng và các vấn đề có liên quan
3	2601/2015/NQ-HĐQT	26/01/2015	Thay đổi Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Thakhek
4	10/2015/NQ-HĐQT	25/03/2015	Thông qua phương án vay vốn, cấp tín dụng tại ngân hàng và một số vấn đề có liên quan của Công ty
5	0104/2015/NQ-HĐQT	20/04/2015	Chốt danh sách cổ đông Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và các vấn đề có liên quan
6	1105/2015/NQ-HĐQT	11/05/2015	Thông qua phương án gia tăng hạn mức tín dụng và phương án vay vốn và một số vấn đề có liên quan của Công ty
7	0202/2015/NQ-HĐQT	18/05/2015	Kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
8	1506/2015/NQ-HĐQT	15/06/2015	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 lần thứ 2
9	2906/2015/NQ-HĐQT	29/06/2015	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 lần thứ 3
10	0201701/2015/NQ-HĐQT	02/07/2015	Thay đổi người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Nhựa Thakhek
11	0201702/2015/NQ-HĐQT	02/07/2015	Thay đổi người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
12	2907/2015/NQ-HĐQT	29/07/2015	Về việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
13	1208/2015/NQ-HĐQT	12/08/2015	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2014
14	1409/2015/NQ-HĐQT	14/09/2015	Chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2014, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu
15	1210/NQ-HĐQT	12/10/2015	Về việc Thay đổi vốn điều lệ của Công ty
16	1115/NQ-HĐQT	02/11/2015	Về việc mở rộng sản xuất và xin thuê lại thửa đất số 132, diện tích 15.000 m ² tại Cụm CN An Đồng
17	0311/2015/NQ-HĐQT	03/11/2015	Về việc thực hiện xin giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Nhựa Thakhek
18	251101/2015/NQ-HĐQT	25/11/2015	Thông qua phương án phát hành riêng lẻ chi tiết 300.000 trái phiếu kèm chứng quyền
19	2711/2015/NQ-HĐQT	27/11/2015	Thông qua việc bổ sung tài sản bảo đảm cho trái phiếu kèm chứng quyền
20	2312/2015/NQ-HĐQT	23/12/2015	Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh

VI. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- **Ông Lê Thái Hưng – Trưởng Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/1998 – 12/2000	Xí nghiệp xây dựng 23/3 (Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng)	Kế toán Tổng hợp
01/2001 – 10/2009	Tổng công ty XDCTGT4	Thành viên Ban kiểm soát
01/2001 – 10/2009	Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát
10/2010 đến nay	Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Quyền phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
10/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng Ban kiểm soát

- **Bà Vũ Thị Thuý Nguyên – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1983 – 06/1987	Xí nghiệp xây lắp mỏ Làng Cầm	Kế toán
07/1987 – 05/1995	Xí nghiệp xây lắp than Đông Anh	Kế toán
06/1995 – 03/2004	Bảo hiểm Y tế ngành than	Kế toán viên
04/2004 đến nay	Bảo hiểm xã hội Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán viên
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên Ban kiểm soát

- **Bà Văn Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm 1977

Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 – 09/2004	Công ty Xây lắp điện 4	Công nhân
10/2004 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên văn phòng
03/2007 – 04/2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên văn phòng
04/2009 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên hành chính kiêm Ủy viên Ban Kiểm soát

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Vai trò của Ban kiểm soát
 - Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015
 - Xem xét các báo cáo và thông báo của Hội đồng quản trị đến cổ đông
 - Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Kết quả thực hiện kiểm tra giám sát
 - Đến hết năm 2015, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ hợp giao ban giữa Ban tổng giám đốc và các phòng chức năng được thực hiện tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp kịp thời.
 - Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam
 - Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.400.000.000.000	1.521.961.578.921	108,7
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	30.000.000.000	62.905.054.227	209,7

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ AAA)

- Một số kết quả thực hiện kế hoạch năm 2015 như sau:
 - + Đã phục hồi được hoạt động sản xuất và xuất khẩu ổn định sau biến động giá dầu năm 2014. Tăng được doanh số xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản và Châu Úc.
 - + Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - + Đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
 - + Đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông
 - + Đã hoàn thành kế hoạch phát hành 300.000 trái phiếu huy động 300.000.000.000 đồng cho xây dựng Nhà máy số 6.
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông
 - + Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - + Trong năm Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mời tham dự các cuộc họp liên quan đến các vấn đề trong hoạt động của Công ty.
 - + Ban kiểm soát đã trình bày các ý kiến, quan điểm của mình và đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và xem xét
 - + Ban kiểm soát chưa nhận được phản ánh cụ thể nào bằng văn bản của Cổ đông.
- Kiến nghị: Từ những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, Ban kiểm soát có những kiến nghị sau:
 - Tăng cường công tác quản trị rủi ro khi công ty mở rộng sản xuất kinh doanh nhất là về quản trị tài chính và giá nguyên liệu chính.
 - Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đủ đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện tốt công tác công bố thông tin tới cổ đông, thực hiện tốt chế độ ưu đãi đối với công nhân viên có nhiều thành tích trong công tác để phát triển nhân tài.
 - Tăng cường công tác Marketing để phát triển hệ thống khách hàng tại các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng khác. Đặc biệt phải tăng lượng đặt hàng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm khi nhà máy sản xuất số 6 và nhà máy số 7 đi vào hoạt động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Khoản mục	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.469.580.000	1.467.540.000
Cộng	2.393.580.000	2.391.540.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Ánh Dương	Cổ đông nội bộ	931.800	2,35	6.264.700	12,66%	Mua cổ phiếu, nhận cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2014
2	Nguyễn Lê Trung	Cổ đông nội bộ	117.000	0,29	3.971.250	8,02 %	Mua cổ phiếu, nhận cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2014
3	Phạm Hoàng Việt	Cổ đông nội bộ	0	0	3.824.625	7,72%	Mua cổ phiếu

c) Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2015 như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	47.939.656.376	106.857.623.222
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	47.939.656.376	106.857.623.222
Mua hàng hóa, dịch vụ	47.811.623.187	44.782.703.843
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	47.811.623.187	44.782.703.843
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	133.285.004	3.136.685.003
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	241.076.495

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện rất nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định, đồng thời đã chỉ ra được rất nhiều hướng khắc phục rủi ro trong hoạt động.

Hải Dương, ngày 08 tháng 03 năm 2016

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Đã ký)

PHẠM ÁNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Lê Trung

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Số:/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Như Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		807.996.288.735	672.369.143.719
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	340.135.133.873	327.833.894.721
1. Tiền	111		184.950.133.873	114.011.220.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		155.185.000.000	213.822.674.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		261.828.536.864	172.609.486.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	95.744.225.206	118.992.180.882
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	75.157.215.135	3.412.105.895
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	90.927.096.523	50.204.784.922
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	414.721
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	185.010.410.221	131.789.048.982
1. Hàng tồn kho	141		185.010.410.221	131.789.048.982
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.022.207.777	10.136.713.596
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.666.447.772	8.263.699.117
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.355.760.005	580.125.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.6	-	1.292.888.969
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.012.840.136.561	691.172.721.934
I. Tài sản cố định	220		502.626.611.247	542.790.801.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	484.963.621.665	524.578.473.102
- Nguyên giá	222		761.280.231.481	739.154.713.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276.316.609.816)	(214.576.240.085)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	17.662.989.582	18.212.328.636
- Nguyên giá	228		20.333.883.100	20.226.883.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.670.893.518)	(2.014.554.464)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		191.029.377.412	28.573.163.310
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	191.029.377.412	28.573.163.310
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		306.487.553.255	111.906.553.255
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	273.581.000.000	79.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	32.906.553.255	32.906.553.255
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12.696.594.647	7.902.203.631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.696.594.647	7.902.203.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.820.836.425.296	1.363.541.865.653

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.039.632.585.535	630.686.837.331
I. Nợ ngắn hạn	310		586.432.424.269	503.035.845.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	196.771.104.219	157.981.740.714
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	11.870.532.167	6.115.561.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	5.523.024.485	56.219.511
4. Phải trả người lao động	314		4.352.175.205	6.842.236.016
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	3.202.922.046	2.864.491.260
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	364.130.606.839	329.021.191.692
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		582.059.308	154.405.043
II. Nợ dài hạn	330		453.200.161.266	127.650.991.402
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	156.262.661.266	127.650.991.402
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.17	296.937.500.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		781.203.839.761	732.855.028.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	781.203.839.761	732.855.028.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		494.999.880.000	396.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		494.999.880.000	396.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		147.408.567.329	147.501.567.329
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.886.168.760	28.259.154.646
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.612.477.781	12.488.690.781
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.296.745.891	148.605.615.566
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.538.200.281	112.335.474.421
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.758.545.610	36.270.141.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.820.836.425.296	1.363.541.865.653

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.523.377.869.886	1.535.920.155.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.416.290.965	4.093.154.451
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.521.961.578.921	1.531.827.001.230
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.359.334.744.495	1.373.828.218.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.626.834.426	157.998.782.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	43.705.449.520	12.917.514.166
7. Chi phí tài chính	22	6.4	47.262.703.114	25.595.405.112
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.863.218.404	16.966.953.640
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	62.925.006.115	71.314.831.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	34.991.346.462	31.701.776.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.153.228.255	42.304.283.750
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.755.733.450	5.978.823.247
12. Chi phí khác	32	6.7	3.907.478	5.519.525.056
13. Lợi nhuận khác	40		1.751.825.972	459.298.191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.905.054.227	42.763.581.941
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	8.146.508.617	6.493.440.796
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.758.545.610	36.270.141.145

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	62.905.054.227	42.763.581.941
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	71.603.681.992	57.193.016.621
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.196.042.264	3.032.269.003
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33.484.789.840)	(4.744.778.379)
Chi phí lãi vay	06	22.863.218.404	16.966.953.640
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	125.083.207.047	115.211.042.826
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(156.405.312.066)	(39.668.206.915)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(53.221.361.239)	59.778.261.436
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	92.981.351.533	(32.691.677.300)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(11.197.139.671)	(1.674.793.831)
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.863.218.404)	(22.466.518.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.360.065.804)	(11.008.739.551)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	62.548.671.052	31.149.865.954
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.902.278.906)	(7.234.210.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.663.853.542	91.395.023.784
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(254.496.759.327)	(109.290.786.977)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.661.363.636	3.524.270.590
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(213.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	18.619.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.775.172.691	6.689.629.525
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(380.641.223.000)	(127.576.886.862)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	217.798.900.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.642.630.442.594	1.291.722.111.736
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.279.498.280.470)	(1.255.337.939.866)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(19.761.631.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	363.132.162.124	234.421.440.662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.154.792.666	198.239.577.584
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	327.833.894.721	129.218.012.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		146.446.486	376.304.386
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	340.135.133.873	327.833.894.721

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 1.405 người (tại ngày 31/12/2014 là 1.121 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 494.999.880.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 2 Công ty con sau:

(i) Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 30 tháng 01 năm 2013.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(ii) Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)***

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Cây lấy năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05
Tài sản khác	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định ghi nhận, đánh giá, xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 22%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.602.844.977	2.108.623.456
Tiền gửi ngân hàng	179.347.288.896	111.902.597.265
Các khoản tương đương tiền	155.185.000.000	213.822.674.000
Cộng	<u>340.135.133.873</u>	<u>327.833.894.721</u>

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu khách hàng trong nước	2.594.459.109	3.728.097.058
Phải thu khách hàng nước ngoài	93.149.766.097	115.264.083.824
Cộng	<u>95.744.225.206</u>	<u>118.992.180.882</u>
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	133.285.004	3.136.685.003
Cộng	<u>133.285.004</u>	<u>3.136.685.003</u>

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước cho người bán trong nước	52.099.787.702	2.913.103.107
Trả trước cho người bán nước ngoài	23.057.427.433	499.002.788
Cộng	<u>75.157.215.135</u>	<u>3.412.105.895</u>

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Tạm ứng	31.219.964.303	22.138.598.593
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	37.190.398.970	879.718.370
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	15.220.091.866	25.624.635.907
- Phải thu khác	7.296.641.384	1.561.832.052
Cộng	<u>90.927.096.523</u>	<u>50.204.784.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	10.521.145.032	-
Nguyên liệu, vật liệu	135.841.803.106	-	60.932.231.826	-
Công cụ, dụng cụ	6.003.822.867	-	5.168.632.737	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.092.508.217	-	1.652.227.753	-
Thành phẩm	29.072.276.031	-	53.514.811.634	-
Cộng	185.010.410.221	-	131.789.048.982	-

5.6. Thuế và các khoản phải thu / Phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp / bù trừ trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.292.888.969	1.292.888.969	-	-
Cộng	1.292.888.969	1.292.888.969	-	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	49.990.460.075	49.990.460.075	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	386.863.625	386.863.625	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.853.619.648	1.360.065.804	5.493.553.844
Thuế thu nhập cá nhân	56.219.511	302.509.099	329.257.969	29.470.641
Các loại thuế khác	-	854.644.405	854.644.405	-
Cộng	56.219.511	58.388.096.852	52.921.291.878	5.523.024.485

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2015	116.757.130.237	538.339.882.602	54.051.799.071	1.532.569.871	13.768.983.000	14.704.348.406	739.154.713.187
Mua trong kỳ	-	5.115.570.214	20.146.679.488	890.597.092	-	720.454.545	26.873.301.339
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.410.936.649	-	-	-	-	-	9.410.936.649
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.941.266.253)	(4.031.998.896)	(185.454.545)	-	-	(14.158.719.694)
Tại ngày 31/12/2015	126.168.066.886	533.514.186.563	70.166.479.663	2.237.712.418	13.768.983.000	15.424.802.951	761.280.231.481
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	21.152.289.513	170.913.232.013	17.343.704.047	953.908.055	2.930.192.577	1.282.913.880	214.576.240.085
Khấu hao trong kỳ	7.871.601.053	53.247.434.416	7.494.689.057	215.617.041	769.129.500	1.348.871.871	70.947.342.938
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.978.767.543)	(2.145.947.591)	(82.258.073)	-	-	(9.206.973.207)
Tại ngày 31/12/2015	29.023.890.566	217.181.898.886	22.692.445.513	1.087.267.023	3.699.322.077	2.631.785.751	276.316.609.816
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2015	95.604.840.724	367.426.650.589	36.708.095.024	578.661.816	10.838.790.423	13.421.434.526	524.578.473.102
Tại ngày 31/12/2015	97.144.176.320	316.332.287.677	47.474.034.150	1.150.445.395	10.069.660.923	12.793.017.200	484.963.621.665

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 484.963.621.665 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 524.578.473.102 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 16.764.639.904 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 11.539.282.778 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	20.180.997.440	45.885.660	20.226.883.100
Mua trong kỳ	-	107.000.000	107.000.000
Tại ngày 31/12/2015	20.180.997.440	152.885.660	20.333.883.100
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.968.668.804	45.885.660	2.014.554.464
Khấu hao trong kỳ	635.533.500	20.805.554	656.339.054
Tại ngày 31/12/2015	2.604.202.304	66.691.214	2.670.893.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	18.212.328.636	-	18.212.328.636
Tại ngày 31/12/2015	17.576.795.136	86.194.446	17.662.989.582

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 17.662.989.582 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 18.212.328.636 đồng).

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	190.120.286.503	21.803.059.000
- Xây dựng cơ bản dở dang	121.560.986.462	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	68.559.300.041	-
Cải tạo, nâng cấp nhà ăn ca An Đồng	-	4.456.467.947
Cải tạo nhà máy số 1	-	2.313.636.363
Cải tạo nhà máy số 2 và 3	909.090.909	-
Cộng	191.029.377.412	28.573.163.310

5.10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	62.240.360	37.485.010
- Bảo hiểm xã hội;	112.206.600	33.798.980
- Bảo hiểm y tế;	593.600	2.029.380
- Bảo hiểm thất nghiệp;	972.350	629.210
- Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	2.147.772	3.827.772
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	31.693.792	62.193.792
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.993.067.572	2.724.527.116
Cộng	3.202.922.046	2.864.491.260

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.11. Đầu tư vào Công ty con****a. Chi tiết đầu tư Công ty con**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	79.000.000.000	120.120.296.856	-	79.000.000.000	116.007.358.183	-
Công ty TNHH Nhựa Thakhek	194.581.000.000	194.581.000.000	-	-	-	-
Cộng	273.581.000.000	314.701.296.856	-	79.000.000.000	116.007.358.183	-

b. Thông tin chi tiết hoạt động của Công ty con

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Yên Bái	91,86%	Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP,PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải.
2.	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	CHDCND Lào	100,00%	Mua bán nhựa từ nước ngoài và nội địa nước CHDCND Lào; Sản xuất hạt nhựa tái chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết****a. Chi tiết đầu tư Công ty liên kết**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	32.906.553.255	41.563.026.000	-	32.906.553.255	38.276.647.200	-
Cộng	32.906.553.255	41.563.026.000	-	32.906.553.255	38.276.647.200	-

(i) Giá trị hợp lý được tính toán bằng cách lấy giá đóng cửa của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán VBC) nhân (x) với số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đang nắm giữ cùng ngày. Giá đóng cửa của VBC trên sàn HNX tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.600 đồng/cổ phiếu, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 43.500 đồng/cổ phiếu.

b. Thông tin chi tiết hoạt động Công ty liên kết

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (ii)	Nghệ An	32,22%	Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở...

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty nắm giữ 966.582 cổ phiếu, tương đương 32,22% số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh đang lưu hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	179.693.704.953	179.693.704.953	142.715.431.741	142.715.431.741
Phải trả nhà cung cấp trong nước	17.077.399.266	17.077.399.266	15.266.308.973	15.266.308.973
Cộng	<u>196.771.104.219</u>	<u>196.771.104.219</u>	<u>157.981.740.714</u>	<u>157.981.740.714</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	-	241.076.495	241.076.495
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>241.076.495</u>	<u>241.076.495</u>

5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Người mua trả tiền trước nước ngoài	10.715.019.167	10.715.019.167	6.099.016.140	6.099.016.140
Người mua trả tiền trước trong nước	1.155.513.000	1.155.513.000	16.545.553	16.545.553
Cộng	<u>11.870.532.167</u>	<u>11.870.532.167</u>	<u>6.115.561.693</u>	<u>6.115.561.693</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	364.130.606.839	364.130.606.839	1.264.633.488.259	1.229.524.073.112	329.021.191.692	329.021.191.692
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	30.534.741.752	30.534.741.752	257.401.731.194	283.158.479.015	56.291.489.573	56.291.489.573
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương	-	-	18.724.938.890	25.340.338.490	6.615.399.600	6.615.399.600
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	151.641.979.874	151.641.979.874	444.739.471.052	408.303.676.388	115.206.185.210	115.206.185.210
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	12.224.025.000	12.224.025.000	30.948.236.550	24.605.111.214	5.880.899.664	5.880.899.664
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	60.928.116.861	66.366.975.061	5.438.858.200	5.438.858.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	75.183.501.563	75.183.501.563	231.547.857.851	280.832.830.244	124.468.473.956	124.468.473.956
- Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (v)	19.805.764.745	19.805.764.745	30.888.560.735	16.597.873.285	5.515.077.295	5.515.077.295
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (vi)	44.609.019.099	44.609.019.099	120.739.857.710	85.735.646.805	9.604.808.194	9.604.808.194
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (vii)	30.131.574.806	30.131.574.806	68.714.717.416	38.583.142.610	-	-
Cộng	364.130.606.839	364.130.606.839	1.264.633.488.259	1.229.524.073.112	329.021.191.692	329.021.191.692

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/1347719/HĐTDHM ngày 02 tháng 6 năm 2015. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015-HĐTDHM/NHCT340-ANPHAT với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 130000142120/05 ngày 15 tháng 8 năm 2012, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay là MFC 3 tháng cộng 1,39%/năm với VND, là Libor 3 tháng cộng 2,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trên hợp đồng.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 150081/NHNTTD ngày 23 tháng 07 năm 2015 với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất cho vay với VNĐ là 8,5%/năm, 4%/năm với USD, lãi suất được điều chỉnh lại phù hợp theo lãi suất của thị trường. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

(v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 14/11/2015 với hạn mức cho vay là 2.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 175.14.270.300401/TDDN ngày 17 tháng 12 năm 2014. Với hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ (4,8%/năm) Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng ngày 16 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.500.000 USD, mục đích của khoản vay để sử dụng cho tín dụng thư nhập khẩu, các nhu cầu cho vay thanh toán nhập khẩu, chiết khấu chứng từ xuất khẩu, và các nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	156.262.661.266	156.262.661.266	78.615.035.250	50.003.365.386	127.650.991.402	127.650.991.402
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	65.997.696.452	65.997.696.452	-	23.906.304.720	89.904.001.172	89.904.001.172
- Chi nhánh Hải Dương (i)						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	19.271.339.814	19.271.339.814	3.489.035.250	21.964.685.666	37.746.990.230	37.746.990.230
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	66.300.000.000	66.300.000.000	70.000.000.000	3.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	4.693.625.000	4.693.625.000	5.126.000.000	432.375.000	-	-
Cộng	156.262.661.266	156.262.661.266	78.615.035.250	50.003.365.386	127.650.991.402	127.650.991.402

(i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 đến 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 đến 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 9,5%/năm - 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,3%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 150066/NHNTHTD ngày 15 tháng 06 năm 2015 với tổng hạn mức là 1.792.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua 08 sơ mi rơ moóc thuộc Dự án đầu tư mua sơ mi rơ moóc phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 150074/NHNTHTD ngày 8 tháng 07 năm 2015, sửa đổi bổ sung ngày 12/8/2015 với tổng hạn mức là 2.550.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua 02 ô tô đầu kéo thuộc Dự án đầu tư mua ô tô đầu kéo phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay +3,3% /năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản với tổng giá trị 5.526.363.638 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	44.743.654.872	28.098.304.720
Trong năm thứ hai	44.743.654.872	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	66.775.351.522	99.552.686.682
Sau năm năm	-	-
Cộng	156.262.661.266	127.650.991.402

5.17. Trái phiếu chuyển đổi

Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01/12/2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành 04/12/2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; toàn bộ 966.582 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh do Công ty nắm giữ và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.18. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	198.000.000.000	130.933.926.549	11.999.757.447	9.421.944.781	147.469.205.421	497.824.834.198
Áp dụng chính sách kế toán mới (i)	-	-	14.068.864.199	-	-	14.068.864.199
Số dư tại ngày 01/01/2014	198.000.000.000	130.933.926.549	26.068.621.646	9.421.944.781	147.469.205.421	511.893.698.397
Vốn góp tăng trong năm	198.000.000.000	16.567.640.780	-	-	-	214.567.640.780
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	36.270.141.145	36.270.141.145
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.190.533.000	3.066.746.000	(15.333.731.000)	(10.076.452.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	396.000.000.000	147.501.567.329	28.259.154.646	12.488.690.781	148.605.615.566	732.855.028.322
Vốn góp tăng trong năm (ii)	98.999.880.000	(93.000.000)	-	-	-	98.906.880.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	54.758.545.610	54.758.545.610
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	3.627.014.114	-	(9.067.535.285)	(5.440.521.171)
Trả cổ tức (ii)	-	-	-	-	(98.999.880.000)	(98.999.880.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(876.213.000)	-	(876.213.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	494.999.880.000	147.408.567.329	31.886.168.760	11.612.477.781	95.296.745.891	781.203.839.761

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, số dư Quỹ dự phòng tài chính đầu năm là 14.068.864.199 đồng sẽ được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển.

(ii) Tăng vốn từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1607/2015/NQ-ĐHĐ ngày 16 tháng 07 năm 2015 và Nghị quyết số 1208/2015/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 08 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tỷ lệ cổ tức là 25% trên mệnh giá cổ phần, tương đương tỷ lệ phát hành 100:25.

(iii) Phân chia các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1607/2015/NQ-ĐHĐ ngày 16 tháng 07 năm 2015, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 15%, Quỹ dự phòng tài chính 5%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 75% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2014.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	396.000.000.000	198.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	98.999.880.000	198.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	494.999.880.000	396.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	98.999.880.000	19.800.000.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.499.988	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.499.988	39.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.523.377.869.886	1.535.920.155.681
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.389.416.410.447	1.401.110.680.880
- Doanh thu bán hàng hóa	131.503.047.041	134.809.474.801
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	2.458.412.398	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.416.290.965	4.093.154.451
- Giảm giá hàng bán	1.173.113.692	4.093.154.451
- Hàng bán bị trả lại	243.177.273	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.521.961.578.921	1.531.827.001.230

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm đã bán	1.227.661.358.071	1.243.324.809.488
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	130.709.942.714	130.503.408.916
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	963.443.710	-
Cộng	1.359.334.744.495	1.373.828.218.404

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	4.242.262.691	1.699.969.525
Lãi đầu tư trái phiếu	-	156.750.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.532.910.000	4.832.910.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.930.276.829	6.227.884.641
Cộng	43.705.449.520	12.917.514.166

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	22.863.218.404	16.966.953.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.203.442.446	5.596.182.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.196.042.264	3.032.269.003
Cộng	47.262.703.114	25.595.405.112

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.209.927.052	2.874.665.897
Chi phí nhân công	13.221.797.554	12.433.885.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.786.603.504	5.842.413.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.183.803.399	4.208.336.451
Chi phí khác bằng tiền	5.589.214.953	6.342.475.496
Cộng	34.991.346.462	31.701.776.474
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.267.521.911	37.219.867.902
Chi phí nhân công	2.860.379.822	3.146.393.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.077.015.392	1.894.062.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.606.650.181	27.560.460.389
Chi phí khác bằng tiền	5.113.438.809	1.494.047.764
Cộng	62.925.006.115	71.314.831.656

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	709.617.149	3.524.270.590
Các khoản thu nhập khác	1.046.116.301	2.454.552.657
Cộng	1.755.733.450	5.978.823.247

6.7. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	5.469.121.736
Các khoản chi phí khác	3.907.478	50.403.320
Cộng	3.907.478	5.519.525.056

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	62.905.054.227	42.763.581.941
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(22.984.968.203)	(3.094.908.967)
Cộng: Chi phí không được trừ	1.861.818.161	1.894.751.033
Cộng: Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	3.686.123.636	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	28.532.910.000	4.989.660.000
Tổng thu nhập chịu thuế	39.920.086.024	39.668.672.974
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	-	20.306.065.984
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	39.920.086.024	19.362.606.990
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
- Tỷ lệ thuế được giảm	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.782.418.925	6.493.440.796
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	(635.910.308)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.146.508.617	6.493.440.796

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.283.809.978.428	1.416.806.507.564
Chi phí nhân công	75.635.424.899	82.117.514.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.603.681.992	57.193.016.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.720.719.230	75.265.727.129
Chi phí khác bằng tiền	10.702.653.762	11.889.703.575
Cộng	1.510.472.458.311	1.643.272.469.429

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 và 5.16 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	520.393.268.105	456.672.183.094
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>340.135.133.873</i>	<i>327.833.894.721</i>
Nợ thuần	180.258.134.232	128.838.288.373
Vốn chủ sở hữu	781.203.839.761	732.855.028.322
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	23,07%	17,58%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	340.135.133.873	327.833.894.721
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.480.922.759	168.317.247.434
Đầu tư ngắn hạn	-	30.000.000.000
Các khoản ký quỹ	37.190.398.970	879.718.370
Cộng	526.806.455.602	527.030.860.525
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	520.393.268.105	456.672.183.094
Phải trả người bán và phải trả khác	199.974.026.265	160.846.231.974
Cộng	720.367.294.370	617.518.415.068

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ (USD)	8.570.628,35	10.421.296,47
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.421.418,39	5.150.890,13
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.149.209,96	5.270.406,34
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.005.338,00	1.500,00
Euro (EUR)	54.113,48	647,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	54.113,48	647,35
Bảng Anh (GPB)	27.756,69	1.096,67
- Tiền và các khoản tương đương tiền	27.756,69	1.096,67
	Công nợ	
Đô la Mỹ (USD)	19.274.255,42	17.180.898,80
- Các khoản vay	10.836.870,29	10.236.677,01
- Phải trả người bán và phải trả khác	8.002.461,94	6.675.596,04

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	340.135.133.873	-	340.135.133.873
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.480.922.759	-	149.480.922.759
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Cộng	526.806.455.602	-	526.806.455.602
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	199.974.026.265	-	199.974.026.265
Các khoản vay	408.874.261.711	111.519.006.394	520.393.268.105
Cộng	608.848.287.976	111.519.006.394	720.367.294.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.041.832.374)	(111.519.006.394)	(193.560.838.768)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	327.833.894.721	-	327.833.894.721
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.317.247.434	-	168.317.247.434
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Các khoản ký quỹ	879.718.370	-	879.718.370
Cộng	527.030.860.525	-	527.030.860.525
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	160.846.231.974	-	160.846.231.974
Các khoản vay	357.119.496.412	99.552.686.682	456.672.183.094
Cộng	517.965.728.386	99.552.686.682	617.518.415.068
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.065.132.139	(99.552.686.682)	(90.487.554.543)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Công ty con
Công ty TNHH Nhựa Thakhek - CHDCND Lào	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Khoản mục	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.469.580.000	1.467.540.000
Cộng	2.393.580.000	2.391.540.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	47.939.656.376	106.857.623.222
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	47.939.656.376	106.857.623.222
Mua hàng hóa, dịch vụ	47.811.623.187	44.782.703.843
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	47.811.623.187	44.782.703.843

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	133.285.004	3.136.685.003
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	241.076.495

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.4. Số liệu so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	672.369.143.719	-	672.369.143.719
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	149.590.754.736	23.018.731.684	172.609.486.420
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	27.186.467.959	23.018.316.963	50.204.784.922
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	414.721	414.721
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	33.155.445.280	(23.018.731.684)	10.136.713.596
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	23.018.731.684	(23.018.731.684)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.363.541.865.653	-	1.363.541.865.653

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	732.855.028.322	-	732.855.028.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	732.855.028.322	-	732.855.028.322
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	14.190.290.447	14.068.864.199	28.259.154.646
Quỹ dự phòng tài chính (*)		14.068.864.199	(14.068.864.199)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.363.541.865.653	-	1.363.541.865.653

(*) Theo thông tư 200, chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính không còn trình bày trên Bảng cân đối kế toán, số dư đầu kỳ sẽ được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển.

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập